

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN HÒN ĐẤT  
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 66/2022/HNGĐ-ST.

Ngày: 27/5/2022.

V/v “Xin ly hôn và nuôi con”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT - TỈNH KIÊN GIANG**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trịnh Thị Hồng Diệp.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1/ Bà Phạm Hồng Gái.

2/ Ông Nguyễn Thành Thái.

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Đỗ Thị Mộng Trinh - Thư ký TAND huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất tham gia phiên tòa:*** Không.

Trong ngày 27 tháng 5 năm 2022 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 71/2022/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 3 năm 2022 về việc “Xin ly hôn và nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57A/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 20/4/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 35A/2022/QĐST-HNGĐ ngày 09/5/2022 giữa:

Nguyên đơn: Chị **Trần Thị H**, sinh năm 1998 (có mặt).

Địa chỉ: ấp Cẩn Đất, xã Mỹ Thuận, huyện HĐ, tỉnh KG.

Bị đơn: Anh **Trần Thanh N**, sinh năm 1989 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp Mỹ Tân, xã Mỹ Thuận, huyện HĐ, tỉnh KG.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***\* Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa nguyên đơn chị Trần Thị H trình bày:***

***- Về hôn nhân:*** Chị Trần Thị H và anh Trần Thanh N đi đến hôn nhân là do tự tìm hiểu và yêu thương nhau, anh chị được gia đình hai bên tổ chức đám cưới

vào năm 2018 và có thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ Thuận, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 28/02/2018. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng được vài năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, anh N không lo lắng cho gia đình, thường xuyên cờ bạc, rượu chè, chị H đã nhiều lần khuyên ngăn nhưng anh N không thay đổi, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên chị và anh N bắt đầu sống ly thân từ tháng 12/2020 cho đến nay. Trong thời sống ly thân chị và anh N không còn quan tâm, chăm sóc nhau nữa.

Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng giữa chị và anh N không thể hàn gắn được nữa nên chị H yêu cầu được ly hôn với anh Trần Thanh N.

- *Về con chung*: Quá trình chung sống chị H và anh N có 02 người con chung tên Trần Thị Ngọc Tr, sinh ngày 05/12/2018 và Trần Thị Ngọc M, sinh ngày 29/7/2021. Hiện các con chung do chị H nuôi dưỡng, ly hôn chị H yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng hai con chung đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về tài sản và nợ chung*: Chị H xác nhận quá trình chung sống chị và anh N không có tài sản chung, không có nợ ai và không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

\* *Bị đơn anh Trần Thanh N*: Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ đạt các thông báo thông báo thụ lý vụ án, các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh N vắng mặt nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của anh N đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định vụ án này như sau:*

[1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết*: Nguyên đơn chị Trần Thị H yêu cầu được ly hôn với anh Trần Thanh N. Anh N cư trú tại ấp Mỹ Tân, xã Mỹ Thuận, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang. Xét thấy đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về thủ tục tố tụng*: Bị đơn anh Trần Thanh N đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử trong trường hợp vắng mặt bị đơn tại phiên tòa.

[3] *Về nội dung vụ án*: Theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án Hội đồng xét xử có cơ sở xác định:

[3.1] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Trần Thị H và Trần Thanh N xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 2018 trên cơ sở tự nguyện, anh chị có tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương, có thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Mỹ Thuận, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào ngày 28/02/2018. Như vậy, hôn nhân giữa chị H và anh N là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Theo đơn khởi kiện chị H yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh N do tình cảm vợ chồng không còn và không thể hàn gắn được.

Xét yêu cầu của chị H; Hội đồng xét xử thấy rằng: Quá trình chung sống với nhau, chị H trình bày giữa chị và anh N có phát sinh nhiều mâu thuẫn mà nguyên nhân chủ yếu là do tính tình không hợp nhau, bất đồng về quan điểm sống, anh N không lo lắng cho gia đình, thường xuyên cờ bạc, rượu chè dẫn đến việc thường xuyên cự cãi nhau. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không hòa giải được nên chị và anh N đã sống ly thân từ tháng 12/2020 cho đến nay. Sau khi sống ly thân, chị và anh N không còn quan tâm, chăm sóc nhau nữa, cũng không thực hiện quyền và nghĩa vụ chung của vợ chồng.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án tiến hành giải thích pháp luật và động viên chị H đoàn tụ nhưng chị H vẫn kiên quyết muốn ly hôn với anh N. Đồng thời Tòa án cũng tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh N nhiều lần nhưng anh N vẫn vắng mặt, điều này chứng tỏ anh N cũng không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Qua đó chứng minh được mối quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh N đã đến mức trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn và hôn nhân không đạt được mục đích. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 việc chị H yêu cầu ly hôn với anh N là có cơ sở nên Hội Đồng xét xử chấp nhận.

[3.2] *Về quan hệ con chung*: Theo chị Trần Thị H khai nhận chị và anh N có 02 người con chung tên Trần Thị Ngọc Trinh, sinh ngày 05/12/2018 và Trần Thị Ngọc Mai, sinh ngày 29/7/2021. Hiện các con chung đang do chị H nuôi dưỡng, ly hôn chị H yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng hai con chung đến tuổi trưởng thành.

Xét yêu cầu nuôi con chung của chị H; Hội đồng xét xử xét thấy: Hiện chị H đang trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Trinh và cháu Mai, hai con chung được chị H chăm sóc, nuôi dưỡng và phát triển bình thường. Hai con chung đều là giới tính nữ nên việc tiếp tục giao cho chị H chăm sóc và nuôi dưỡng là phù hợp với thực tế, điều này nhằm đảm bảo ổn định cuộc sống của các cháu, giúp cháu phát triển tốt về mặt thể chất cũng như tinh thần. Căn cứ Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử giao hai con chung cho chị H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến tuổi thành niên.

- *Về nghĩa vụ cấp dưỡng*: Chị H không yêu cầu nên anh N không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[3.3] *Về quan hệ tài sản và nợ chung*: Chị Trần Thị H xác nhận chị và anh N không có tài sản chung cũng như không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] *Về án phí*: Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị Trần Thị H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 273 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng khoản 1 Điều 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

### **Tuyên xử:**

**1/ Về quan hệ hôn nhân**: Chị Trần Thị H được ly hôn với anh Trần Thanh N.

**2/ Về quan hệ con chung**: Giao hai người con chung tên Trần Thị Ngọc Trinh, sinh ngày 05/12/2018 và Trần Thị Ngọc Mai, sinh ngày 29/7/2021 cho chị Trần Thị H tiếp tục nuôi dưỡng cho đến tuổi thành niên.

**Về cấp dưỡng nuôi con**: Không xét.

**Về quyền thăm nom, chăm sóc con chung**: Trong thời gian chị H nuôi con, anh N được quyền đến thăm nom con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở.

Bảo lưu quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con chung khi một trong các bên có yêu cầu.

**3/ Về quan hệ tài sản chung và nợ chung:** Không xét.

**4/ Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:** Buộc chị Trần Thị H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được đối trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số: 0001542 ngày 09/02/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang. Như vậy, chị H không phải nộp thêm. Anh N không phải nộp tiền án phí sơ thẩm.

**5/ Quyền kháng cáo:** Báo cho các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Đạt thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.*

**Nơi nhân:**

- TA tỉnh Kiên Giang;
- VKS nhân dân huyện Hòn Đất;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trịnh Thị Hồng Điệp**